

Số: 83 /2017/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 22 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Số: 110 Đ/LN Ngày 11/01/18
Chuyên: Khoa K?

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Ước mức, theo hiệp*
4/01
MP
- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
 - Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
 - Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
 - Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
 - Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;
 - Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;
 - Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
 - Căn cứ Nghị quyết số 88/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định;
- Theo đề nghị của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định, như các phụ lục kèm theo:

- Phụ lục 1: Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Phụ lục 2: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Phụ lục 3: Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Các nội dung khác liên quan đến lập, thẩm tra phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định không quy định tại quyết định này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&CN;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- Lãnh đạo UBND tỉnh,
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh, CV;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K20. *[Signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC 1
ĐỊNH MỨC CHI QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 83 /2017/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, cấp huyện, cấp cơ sở
I	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
I	<i>Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN</i>	<i>Hội đồng</i>		
1.1	Chủ tịch Hội đồng		700	400
1.2	Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng		550	320
1.3	Thư ký hành chính		200	150
1.4	Đại biểu mời tham dự		150	100
2	<i>Chi nhận xét, đánh giá (Phiếu NX-ĐG)</i>	<i>01 phiếu NX-ĐG</i>		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350	200
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	150
II	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
I	<i>Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN</i>	<i>Hội đồng</i>		
1.1	Chủ tịch Hội đồng		1.050	600
1.2	Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng		700	400



STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, cấp huyện, cấp cơ sở
1.3	Thư ký hành chính		200	150
1.4	Đại biểu mời tham dự		150	100
2	Chi nhận xét, đánh giá (Phiếu NX-ĐG)	01 phiếu NX-ĐG		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	200
III	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	300
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	200
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100
IV	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
1	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
1.1	Chủ tịch Hội đồng		1.050	600
1.2	Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng		700	400
1.3	Thư ký hành chính		200	150
1.4	Đại biểu mời tham dự		150	100
2	Chi nhận xét, đánh giá	01 phiếu NX-ĐG		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	300
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	200

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, cấp huyện, cấp cơ sở
V	Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập			
1	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập tính tối đa	Chuyên gia độc lập	7.000	4.000
VI	Chi tiền công phục vụ họp hội đồng	01 Hội đồng	150	100
VII	Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng	01 Hội đồng	200	150
VIII	Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn		Theo quy định	Theo quy định
1	Phụ cấp lưu trú		Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh
2	Chi thuê phòng nghỉ			
3	Tiền phương tiện đi lại			
IX	Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có)		Thanh toán theo hóa đơn thực tế chi	Thanh toán theo hóa đơn thực tế chi
X	Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác)	Thông báo tuyển chọn	Theo báo giá của cơ quan truyền thông đăng tin	Theo báo giá của cơ quan truyền thông đăng tin
XI	Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra đột xuất; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN			
I	Dự toán chi tiền công cho Hội			

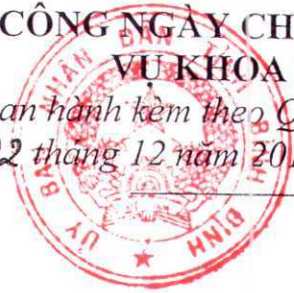
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, cấp huyện, cấp cơ sở
	<i>đồng đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN</i>			
1.1	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>		
1.1.1	Chủ tịch Hội đồng		520	300
1.1.2	Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng		350	200
1.1.3	Thư ký hành chính		150	100
1.1.4	Đại biểu mời tham dự		100	100
1.2	<i>Chi nhận xét, đánh giá (Phiếu NX, ĐG)</i>	<i>01 phiếu NX, ĐG</i>		
1.2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250	150
1.2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		180	100
2	<i>Dự toán chi tiền công Hội đồng kiểm tra đột xuất</i>	<i>Nhiệm vụ</i>		
2.1	Chủ tịch Hội đồng		300	200
2.2	Thành viên hội đồng		250	150
2.3	Thư ký hành chính		150	100
2.4	Đại biểu mời tham dự		100	100
3	<i>Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra đột xuất; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN</i>		Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh
4	<i>Dự toán chi thuê phương tiện đi lại phục vụ kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra đột xuất; kiểm tra, đánh giá sau khi giao</i>		Trên cơ sở báo giá của chủ phương	Trên cơ sở báo giá của chủ phương tiện cho

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, cấp huyện, cấp cơ sở
	<i>quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN</i>		tiện cho thuê	thuê



PHỤ LỤC 2
HỆ SỐ TIỀN CÔNG NGÀY CHO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **83** /2017/QĐ-UBND
 ngày **22** tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)



STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	
		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, huyện, cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	0,32
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,34	0,20
3	Thành viên	0,18	0,10
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,11	0,08

PHỤ LỤC 3

ĐỊNH MỨC LÀM CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 83 /2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Khung định mức chi tối đa	
		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, Huyện, cấp cơ sở
I	Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu		
1	Thuê chuyên gia trong nước (tính theo ngày công)	28.000 /người/tháng (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	15.000/người/tháng (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN)
2	Thuê chuyên gia ngoài nước (tính theo ngày công)	Không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không quá 25% tổng dự toán kinh phí chi công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN
II	Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu		
1	Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan
III	Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định		
1	Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan
IV	Dự toán chi hội thảo khoa học; hội nghị phục vụ hoạt động nghiên cứu		
1	Người chủ trì	1.050	750



STT	Nội dung công việc	Khung định mức chi tối đa	
		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, Huyện, cấp cơ sở
2	Thư ký Hội thảo	350	250
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo (tối đa 01 nhiệm vụ KH&CN không quá 03 báo cáo)	1.400/báo cáo	800/báo cáo
4	Báo cáo khoa học được tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo (Tối đa 01 nhiệm vụ không quá 05 báo cáo)	700/báo cáo	400/báo cáo
5	Thành viên tham gia hội thảo	150/thành viên/buổi	100/thành viên/buổi
V	Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu		
1	Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC	Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC
VI	Dự toán chi Hội nghị, Tập huấn		
1	Dự toán chi Hội nghị, Tập huấn	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh
VII	Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN		
<i>1</i>	<i>Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN</i>		
1.1	Chủ tịch Hội đồng	500	300
1.2	Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng	350	200
1.3	Thư ký hành chính	150	100

STT	Nội dung công việc	Khung định mức chi tối đa	
		Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố, Huyện, cấp cơ sở
1.4	Đại biểu mời tham dự	100	100
2	<i>Chi nhận xét, đánh giá</i>		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	250/phiếu nhận xét đánh giá	150/phiếu nhận xét đánh giá
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	180/phiếu nhận xét đánh giá	100/phiếu nhận xét đánh giá
VIII	Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN		
1	Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN	3,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (không quá 140 triệu đồng)	2,0% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (không quá 80 triệu đồng)

